TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/HS-ST
Ngày:04/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Tân Dân

2. Ông Võ Thành Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 4, ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1/ Họ tên: **Lê Minh T**, Giới tính: N; Tên gọi khác: Quẹo; Sinh ngày 13 tháng 3 năm 1988, tại: Tiền Giang (nay là Đồng Tháp); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 082088019857. Cấp ngày 07 tháng 7 năm 2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH - BCA; Nơi đăng ký thường trú chỗ ở: ấp X, xã G, tỉnh Đồng Tháp; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: không; Cha: Lê Văn D, sinh năm 1965; Mẹ: Hồ Thị H, sinh năm 1968; Vợ: Võ Thị H1, sinh năm 1996 (đã ly hôn ngày 01/4/2024); Con: Võ Thị Như P, sinh năm 2015; Võ Minh N1, sinh năm 2017; Lê Minh L, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 14/01/2005, bị Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang (trước đây) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng, về hành vi "uống rượu đánh nhau gây rối trật tự" theo Quyết định số 14/QĐ-UB (đã được xóa tiền sự).

- Ngày 05/01/2009, bị Ủy ban nhân dân tỉnh T (trước đây) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 12 (mười hai) tháng, về hành vi "say rượu đánh người gây mất trật tự công cộng" theo Quyết định số 13/QĐ-UBND (đã được xóa tiền sự).

- Ngày 25/8/2017, bị Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang (trước đây) xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) về hành vi "tham gia đánh nhau xâm hại đến sức khỏe của người khác" theo Quyết định số 3258/QĐ-XPHC (đã được xóa tiền sự);

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/10/2025, chuyển tạm giam từ ngày 08/10/2025. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T:* bà Lê Thị Kim P1 – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ. (có mặt)

2/ Họ tên: **Phan Tuấn N2**, Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không có; Sinh ngày 30 tháng 4 năm 2001, tại: Tiền Giang (nay là Đồng Tháp); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 082201016162. Cấp ngày 04 tháng 6 năm 2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH - BCA; Nơi đăng ký thường trú chỗ ở: ấp X, xã G, tỉnh Đồng Tháp; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: không; Cha: (chưa rõ); Mẹ: Phan Thị S, sinh năm 1979; Vợ, con: chưa; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 04/11/2025, chuyển tạm giam từ ngày 07/11/2025. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

* *Bị hại*:

- Nguyễn Minh P2, sinh năm 1988; (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp X, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

- Võ Thị H1, sinh năm 1996; (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp X, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Lê Trần Gia H2, sinh ngày 04/9/2011 (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp: Trần Thị Phương N3, sinh năm 1986; Lê Tấn P3, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp X, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

2. Phan Tuấn A, sinh ngày 29/01/2011; (có mặt)

Đại diện hợp pháp: Trần Thị D1, sinh năm 1973(có mặt); Phan Văn Út B, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

3. Phạm Chí H3, sinh năm 2007; (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp X, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T1, tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 27/12/2024, bị cáo Lê Minh T cầm theo 01 (một) cây chỉa (loại chỉa ba ngạnh) điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Vision màu đỏ, biển số 63AH-086.62 cùng Phạm Chí H3, sinh ngày 29/10/2007 điều khiển xe mô tô hiệu SUZUKI, loại SATRIA, biển số 63B7-710.40 chở bị cáo Phan Tuấn N2, bị cáo N2 cầm theo 01 (một) cây đao và Lê Trần Gia H2, sinh ngày 04/9/2011 điều khiển xe

mô tô hiệu HONDA, loại LEAD, màu vàng - nâu, biển số 63B7-398.76 chở Phan Tuấn A, sinh ngày 29/01/2011, cùng đi đến nhà anh Nguyễn Minh P2, cư trú ấp X, xã G, tỉnh Đồng Tháp để giải quyết mâu thuẫn và bắt chị Võ Thị H1 (đang mang thai khoảng 28 tuần), cư trú ấp X, xã G, tỉnh Đồng Tháp để về nhà Trường chung sống với T. Khi đến nơi thì có anh P2 và chị Võ Thị H1 đang ở nhà (chị H1 là vợ của T nhưng đã ly hôn, chị H1 đang sống chung như vợ chồng với anh P2). Bị cáo T, bị cáo N2 và H3 đi vào nhà anh P2, còn Tuấn A và H2 đợi phía trước hẻm, bị cáo T đập cửa xông vào nhà rồi dùng 01 (một) cây chỉa đâm anh P2 01 (một) cái trúng vai trái gây thương tích. Sau đó, bị cáo T nắm tóc kéo chị H1 ra khỏi nhà anh P2, lúc này bị cáo N2 và H3 đi theo sau, bị cáo T kêu H3 quay lại vào nhà tiếp tục bắt anh P2 cùng đi theo bị cáo T nhưng H3 đi vào tìm thì không thấy anh P2. Khi bị cáo T lôi kéo chị H1 ra tới đầu hẻm thì bị cáo T kêu bị cáo N2 lên xe mô tô hiệu Honda, loại Vision màu đỏ, biển số 63AH-086.62 của bị cáo T điều khiển, bị cáo cho chị H1 ngồi giữa, bị cáo ngồi phía sau giữ chị H1 lại. Trên đường bị cáo N2 điều khiển xe mô tô chở chị H1 và bị cáo T thì H3, Tuấn A và H2 cùng điều khiển xe mô tô theo sau có cầm theo hung khí. Khi đi được một đoạn thì bị cáo T có kêu bị cáo N2 xuống xe để sang xe đi chung với H3, Tuấn A và H2 về nhà cất hung khí, còn bị cáo T cho chị H1 điều khiển xe mô tô của bị cáo, bị cáo ngồi phía sau, trong lúc chị H1 điều khiển xe thì bị cáo T có dùng tay đánh nhiều cái vào vùng đầu chị H1 làm chị H1 điều khiển xe loạng choạng té ngã gây thương tích.

Ngày 28/12/2024 và ngày 16/01/2025 anh Nguyễn Minh P2, chị Võ Thị H1 có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với những người đã gây thương tích cho mình;

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể số 22-2025/KLTTCT-TTPY ngày 04/02/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh T, xác định: tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định nạn nhân Võ Thị H1 là: 07% (bảy phần trăm). Thương tích do vật tầy gây nên;

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể số 23-2025/KLTTCT-TTPY ngày 04/02/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh T, xác định: tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định nạn nhân Nguyễn Minh P2 là: 02% (hai phần trăm). Thương tích do vật sắc nhọn gây nên;

Theo kết quả siêu âm vào ngày 28/12/2024 và Giấy chứng sinh số 0000387 của Bệnh viện Đ xác định, tại thời điểm chị Võ Thị H1 bị thương tích, chị H1 đang mang thai khoảng 28 tuần.

Đồ vật, tài liệu tạm giữ gồm:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Suzuki, loại Satria, biển số 63B7-710.40, màu đen đỏ, số máy: CGA1ID245859, số khung: MH8DL11AZNJ245832;

- 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA, loại LEAD, biển số 63B7-398.76, màu vàng-nâu, số máy: JF79E0120548, số khung: RLHJF7912HY085542;

- 01 (một) cây kim loại, dạng ống tuýp dài 02 mét, có hàn mũi kim loại hình tam giác dài 25cm, rộng 17 cm;

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại màu nâu đã rỉ sét, mũi bầu nhọn, có kích thước dài 58cm, rộng 10cm, được hàn vào một đoạn cán kim loại dài 17cm;

- 01 (một) đoạn ống tuýp bằng kim loại hình trụ, dài 160cm, đường kính đáy 03 cm;

- 01 (một) cây chĩa bằng kim loại có 03 mũi (02 mũi ngoài cùng dài 35cm, 01 mũi giữa dài 46cm) được hàn vào 01 đoạn ống tuýt dài 106cm;

Bản kết luận giám số 457-2025/KL-KTHS ngày 29/4/2025 của Phòng K Công an tỉnh T, xác định: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong hai tập tin video cần giám định ký hiệu A, B. Quan sát đối tượng hình ảnh cần giám định trong 02 video ký hiệu A, B xác định đặc điểm trang phục của các đối tượng (có 14 ảnh kèm theo);

Ngày 21/01/2026, bị hại H1 và anh P2 tự nguyện làm đơn rút yêu cầu xử lý hình sự và giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Lê Minh T;

- Đối với xe mô tô hiệu Honda, loại Vision màu đỏ, biển số 63AH-086.62 do T đứng tên đăng ký sở hữu và điều khiển khi thực hiện hành vi gây thương tích cho các bị hại. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi vi phạm, T đi làm ăn xa và đã bán xe này cho người khác (không rõ địa chỉ cụ thể) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa thu hồi được, khi điều tra xác minh được có căn cứ sẽ tiếp tục giải quyết;

- Tại Bản án số 36/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp tuyên trao trả lại 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA, loại LEAD, biển số 63B7-398.76, màu vàng-nâu, số máy: JF79E0120548, số khung: RLHJF7912HY085542 cho chị Trần Thị Phương N3 và tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Suzuki, loại Satria, biển số 63B7-710.40, màu đen đỏ, số máy: CGA1ID245859, số khung: MH8DL11AZNJ245832;

Tại bản cáo trạng số 65/CT-VKSKV2 ngày 27/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Lê Minh T đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" và "Bắt người trái pháp luật" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 134 và điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phan Tuấn N2 đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" và "Bắt người trái pháp luật" theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 và điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp thay đổi nội dung cáo trạng về khung hình phạt đối với bị cáo Lê Minh T tội "Bắt người trái pháp luật". Cáo trạng đã truy tố bị cáo T điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự, tại phiên tòa Kiểm sát viên truy tố Lê Minh T tội "Bắt người trái pháp luật" theo

quy định khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự, vì cho rằng không đủ cơ sở xác định ý thức bị cáo T biết rõ bị hại có thai.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Minh T, Phan Tuấn N2 phạm tội "Cố ý gây thương tích" và "Bắt người trái pháp luật".

* Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Minh T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; xử phạt từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội "Bắt người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt bị cáo T từ 02 năm 09 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2025.

* Căn cứ khoản 1 Điều 134; điểm e khoản 2 khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phan Tuấn N2 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; xử phạt từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Bắt người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt bị cáo N2 từ 02 năm 09 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2025.

Về trách nhiệm dân sự: các bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại xong, các bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Về vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) cây kim loại, dạng ống tuýp dài 02 mét, có hàn mũi kim loại hình tam giác dài 25cm, rộng 17 cm;

- 01 (một) dao tự chế bằng kim loại màu nâu đã rỉ sét, mũi bầu nhọn, có kích thước dài 58cm, rộng 10cm, được hàn vào một đoạn cán kim loại dài 17cm;

- 01 (một) đoạn ống tuýp bằng kim loại hình trụ, dài 160cm, đường kính đáy 03 cm;

- 01 (một) cây chĩa bằng kim loại có 03 mũi (02 mũi ngoài cùng dài 35cm, 01 mũi giữa dài 46cm) được hàn vào 01 đoạn ống tuýt dài 106cm;

Lưu trữ theo hồ sơ: 01 (một) file MP4 video thời lượng 01 phút 06 giây có tên file "H/HY4440" và 01 (một) file MP4 video có thời lượng 01 phút 38 giây có tên file "CBAC2040" được lưu trữ trong 01 (một) đĩa DVD.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội "Cố ý gây thương tích" và "Bắt người trái pháp luật" là đúng pháp luật, không oan, sai. Bị cáo T khai nhận thương tích của bị hại P2 và H1 là do bị cáo gây ra, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không biết bị hại H1 có thai, qua ngày hôm sau khi lên bệnh viện thăm bị hại H1 bị cáo mới biết, bị cáo xác định không biết tuổi của Phạm Chí H3, nay bị cáo hối hận với hành vi của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt sớm về nuôi con; bị cáo N2 thừa nhận không gây thương tích cho các bị hại, nhưng thừa nhận cùng với T cầm hung khí đến nhà anh P2, mục đích là để gây thương tích, thừa nhận giúp sức cho bị cáo T chở bị hại H1 đi, khi bị hại H1 lên xe bị cáo chở đi thì bị cáo đã biết chị H1 mang thai do chị H1 bụng to, nhưng bị cáo vẫn chở chị H1 đi một đoạn đường,

sau đó bị cáo mới sang xe khác; bị cáo xác định không biết tuổi của Phạm Chí H3. Nay bị cáo hối hận với hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày:

Về thủ tục truy nã, bắt tạm giữ, tạm giam cũng như các thông báo của Cơ quan điều tra là chưa đảm bảo theo quy định pháp luật, làm cho gia đình của các bị cáo khó khăn trong việc thăm hỏi, cũng như việc Cơ quan điều tra đánh giá các bị cáo chấp hành pháp luật chưa tốt là chưa phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo T: tại phiên tòa bị cáo T đã thống nhất với hành vi phạm tội đối với 2 tội danh nêu trên. Tuy nhiên, đề nghị xem xét tội "cố ý gây thương tích" đối với bị cáo T vì bị cáo thực hiện hành vi gây thương tích cho 2 người nhưng hành vi này là độc lập, nên bị cáo chỉ phạm tội ở khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, đồng thời cả 2 bị hại sau này đều có đơn đề nghị không xử lý hình sự đối với T, do đó đề nghị đình chỉ xét xử tội "cố ý gây thương tích". Trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận đình chỉ thì xin xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đề nghị, đồng thời đề nghị áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Đối với tội "Bắt người trái pháp luật" thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự và không áp dụng tình tiết tăng nặng "xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" do ý thức bị cáo không biết bị hại H1 có thai và Phạm Chí H3 chưa đủ 18 tuổi.

Bị cáo T có các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, nuôi 3 con còn nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Đối với ý kiến của Luật sư về thủ tục truy nã, bắt tạm giữ, tạm giam cũng như các thông báo của Cơ quan điều tra là chưa đảm bảo theo quy định pháp luật, làm cho gia đình của các bị cáo khó khăn trong việc thăm hỏi, việc Cơ quan điều tra đánh giá các bị cáo chấp hành pháp luật chưa tốt là chưa phù hợp. Xét thấy, tại phiên tòa, Kiểm sát viên cũng thừa nhận Cơ quan điều tra có thiếu sót nhỏ, nhưng không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và sẽ có kiến nghị Cơ quan Điều tra rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử thấy rằng, vấn đề Luật sư, Kiểm sát viên nêu là thủ tục trong việc bắt tạm giữ, tạm giam bị can, không ảnh hưởng đến bản chất, nội dung vụ án, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đối với các vấn đề khác đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, có đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, có đương sự vắng mặt không lý do. Nhận thấy việc vắng mặt các đương sự này không ảnh hưởng đến việc xét xử, không ảnh hưởng đến quyền lợi của họ, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; biên bản lời khai người bị hại; người làm chứng, người liên quan; Biên bản khám nghiệm hiện trường; các Kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

2.1 Về hành vi cố ý gây thương tích:

Bị cáo T, bị cáo N2 đã có hành vi mang theo hung khí cùng đến nhà anh P2, bị cáo T dùng cây chỉa đâm anh P2 01 cái trúng vai trái gây thương tích. Sau đó, bị cáo T nắm tóc kéo chị H1 ra khỏi nhà anh P2, ra tới đầu hẻm thì bị cáo T kêu bị cáo N2 điều khiển xe mô tô hiệu Honda biển số 63AH-086.62 của bị cáo T, bị cáo T cho chị H1 ngồi giữa, còn bị cáo T ngồi phía sau giữ chị H1 lại, khi đi được một đoạn đường thì bị cáo T buộc chị H1 điều khiển xe chở bị cáo ngồi sau, bị cáo T dùng tay đánh nhiều cái vào vùng đầu chị H1 làm chị H1 điều khiển xe loạng choạng té ngã gây thương tích.

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể số 22-2025/KLTTCT-TTPY ngày 04/02/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh T, xác định: tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định nạn nhân Võ Thị H1 là: 07% (bảy phần trăm). Thương tích do vật tầy gây nên;

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể số 23-2025/KLTTCT-TTPY ngày 04/02/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh T, xác định: tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định nạn nhân Nguyễn Minh P2 là: 02% (hai phần trăm). Thương tích do vật sắc nhọn gây nên;

Theo kết quả siêu âm vào ngày 28/12/2024 và Giấy chứng sinh số 0000387 của Bệnh viện Đ xác định, tại thời điểm chị Võ Thị H1 bị thương tích, chị H1 đang mang thai khoảng 28 tuần.

Như vậy bị cáo T có hành vi dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh P2 với tỷ lệ thương tích là 02%, sau đó có hành vi dùng tay đánh chị H1 khi đang điều khiển xe honda làm chị H1 té ngã, gián tiếp gây thương tích cho chị H1 là 07%. Giữa bị cáo và anh P2, chị H1 không có mâu thuẫn gì, nhưng bị cáo cố ý gây thương tích cho các bị hại, đây thể hiện tính côn đồ của bị cáo. Do đó viện kiểm sát truy tố bị

cáo T tội "cố ý gây thương tích" với tình tiết định khung "phạm tội hai lần trở lên" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với bị cáo N2 mặc dù không trực tiếp gây thương tích cho bị hại P2 nhưng khi được bị cáo T rủ đi gây thương tích cho người khác thì bị cáo đồng ý cùng tham gia. Tuy nhiên, việc bị cáo T cố ý gây thương tích cho bị hại H1 là tự ý của bị cáo T, bị cáo N2 không tham gia và ngoài ý muốn của bị cáo, nên bị cáo chỉ chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự đối với tỷ lệ thương tích của anh P2 với vai trò là đồng phạm.

2.2 Đối với hành vi bắt người trái pháp luật:

Tại phiên tòa, bị cáo T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, qua lời khai của bị hại, của bị cáo N2 cùng các lời khai của những đối tượng cùng đi với bị cáo, đều cho rằng bị cáo có hành vi nắm tóc chị H1 kéo đi và buộc chị H1 lên xe để bị cáo N2 chở đi, kết hợp với điều kiện, hoàn cảnh, không gian, thời gian tại thời điểm đó có đủ cơ sở xác định bị cáo có hành vi "bắt người trái pháp luật" theo Điều 157 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không biết chị H1 có thai. Kiểm sát viên tại phiên tòa thay đổi cáo trạng, truy tố bị cáo T tội "bắt người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự, do không đủ căn cứ xác định ý thức bị cáo T "biết rỏ chị H1 có thai". Xét thấy, việc xét xử bị cáo T theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với bị cáo N2 thừa nhận, khi bị cáo T lôi kéo chị H1 ra ngoài và kêu bị cáo chở chị H1 đi thì bị cáo đồng ý, nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò người giúp sức. Khi bị cáo điều khiển xe Honda chị H1 ngồi giữa, phía sau là bị cáo T, trên đường đi bị cáo biết rỏ H1 đang mang thai do bụng chị H1 to cấn vào lưng bị cáo, nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi chở chị H1 đi trái với ý muốn của chị H1, nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, ngoài hai bị cáo còn có các đối tượng như: Phạm Chí H3; Phan Tuấn A; Lê Trần Gia H2 cùng tham gia. Tuy nhiên, đối với Phạm Chí H3 đã bị Tòa án xét xử và đã đi chấp hành án; đối với Phan Tuấn A và Lê Trần Gia H2 tại thời điểm thực hiện hành vi không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ;

[3] Về tính chất, mức độ:

Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, quyền tự do của con người. Đây là quyền bất khả xâm phạm của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với bị cáo T đã 02 lần bị Cơ quan có thẩm quyền đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi gây mất trật tự; 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "tham gia đánh nhau xâm hại đến sức khỏe của người khác", đều này cho thấy bị cáo chấp hành pháp luật chưa tốt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo khắc phục bồi thường thiệt hại; bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo là lao động chính và nuôi 3 con nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; về tình tiết tăng nặng: bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là *phạm tội đối với phụ nữ có thai* theo quy định điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo N2 chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo khắc phục bồi thường thiệt hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo N2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

Các vật chứng hiện nay gồm: 01 (một) cây kim loại, dạng ống tuýp dài 02 mét, có hàn mũi kim loại hình tam giác dài 25cm, rộng 17 cm; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại màu nâu đã rỉ sét, mũi bầu nhọn, có kích thước dài 58cm, rộng 10cm, được hàn vào một đoạn cán kim loại dài 17cm; 01 (một) đoạn ống tuýp bằng kim loại hình trụ, dài 160cm, đường kính đáy 03 cm; 01 (một) cây chĩa bằng kim loại có 03 mũi (02 mũi ngoài cùng dài 35cm, 01 mũi giữa dài 46cm) được hàn vào 01 đoạn ống tuýt dài 106cm. Đây là các vật chứng dùng vào việc phạm tội, hiện không giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) file MP4 video thời lượng 01 phút 06 giây có tên file "H/HY4440" và 01 (một) file MP4 video có thời lượng 01 phút 38 giây có tên file "CBAC2040" được lưu trữ trong 01 (một) đĩa DVD. Đây là chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh P2, chị H1 đã nhận tiền bồi thường, nay không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[8] Qua xem xét quan điểm của Kiểm sát viên về những chứng cứ buộc tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự là có căn cứ. Tuy nhiên Kiểm sát viên không đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng là *phạm tội đối với phụ nữ có thai* theo quy định điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T là thiếu sót.

[9] Xét lời bào chữa của Luật sư cho bị cáo T Hội đồng xét xử thấy rằng: Luật sư đề nghị đình chỉ xét xử tội "cố ý gây thương tích", nếu không chấp nhận đình chỉ thì xin xem xét áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo T. Như nhận định của Hội đồng xét xử ở phần trên, đề nghị này của Luật sư là không có căn, đối với các đề nghị khác của Luật sư, Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1 Bị cáo Lê Minh T;

** Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; 2024; 2025;*

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội "Cố ý gây thương tích". Xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù.

** Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; 2024; 2025;*

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội "Bắt người trái pháp luật". Xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù.

** Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025;*

Tổng hợp hình phạt bị cáo Lê Minh T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội "Cố ý gây thương tích" và "Bắt người trái pháp luật" là: 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2025

1.2 Bị cáo Phan Tuấn N2;

** Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; 2024; 2025;*

Tuyên bố bị cáo Phan Tuấn N2 phạm tội "Cố ý gây thương tích". Xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù.

** Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; 2024; 2025;*

Tuyên bố bị cáo Phan Tuấn N2 phạm tội "Bắt người trái pháp luật". Xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù.

** Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025;*

Tổng hợp hình phạt bị cáo Phan Tuấn N2 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội "Cố ý gây thương tích" và "Bắt người trái pháp luật" là 02 (hai) năm 09 (chín)

tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm *2017, 2024, 2025;* Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

* Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây kim loại, dạng ống tuýp dài 02 mét, có hàn mũi kim loại hình tam giác dài 25cm, rộng 17 cm; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại màu nâu đã rỉ sét, mũi bầu nhọn, có kích thước dài 58cm, rộng 10cm, được hàn vào một đoạn cán kim loại dài 17cm; 01 (một) đoạn ống tuýp bằng kim loại hình trụ, dài 160cm, đường kính đáy 03 cm; 01 (một) cây chĩa bằng kim loại có 03 mũi (02 mũi ngoài cùng dài 35cm, 01 mũi giữa dài 46cm) được hàn vào 01 đoạn ống tuýt dài 106cm;

* Lưu theo hồ sơ vụ án: Đối với 01 (một) file MP4 video thời lượng 01 phút 06 giây có tên file "H/HY4440" và 01 (một) file MP4 video có thời lượng 01 phút 38 giây có tên file "CBAC2040" được lưu trữ trong 01 (một) đĩa DVD.

(Tang vật theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/4/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2)

Thi hành khi án có hiệu lực.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bị cáo Lê Minh T, Phan Tuấn N2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo; người bị hại, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. (Trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phân trại tạm giam Gò Công;
- Trại tạm giam số 2 công an tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Bị hại; người tham gia tố tụng khác;
- Bộ phận THA Hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Lắm